

TRIỀU MẠC (1527-1592)

[Mạc Đăng Dung \(1527-1529\)](#)
[Mạc Đăng Doanh \(1530-1540\)](#)
[Mạc Phúc Hải \(1541-1546\)](#)

[Mạc Phúc Nguyên \(1546-1561\)](#)
[Mạc Mậu Hợp \(1562-1592\)](#)

Mạc Đăng Dung (1527-1529)

Niên hiệu: Minh Đức

Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương (Hải Dương). Cụ tổ 7 đời là Mạc Đĩnh Chi, Một người nổi tiếng về văn chương đã thi đậu trạng nguyên dưới thời Trần. làm đến chức Nhập nội hành khiển, Thượng thư môn hạ tả bộc xạ, ông đã từng đi sang Trung Quốc, đối đáp rất thông minh, nhà Nguyên phải nể phục. Đĩnh Chi sinh ra Dao, làm quan Tư hình viện đại phu. Sao sinh 4 con trai tên là: Dịch, Thoan, Thú và Viễn, người nào cũng có tài năng và sức khỏe. Cuối đời nhà Hồ vì bất đắc chí họ đem con em đến hàng giặc Minh rồi ra làm quan cho nhà Minh. Đến các ông Tung, Bình rồi đến Hịch thì không có ai hiền đạt. Hịch lấy con gái Đặng Xuân người cùng làng, tên là Đặng Thị Hiến, sinh được 3 con trai: Mạc Đăng Dung là trưởng rồi đến Đốc, và Quyết. Hai em của Đăng Dung đều làm quan, khi Đăng Dung lên ngôi vua thì phong cả hai em tước vương.

Đăng Dung sinh giờ Ngọ ngày Nhâm Tý (23) tháng 11 năm Quý Mão (1483). Thời trẻ Mạc Đăng Dung có sức khỏe lại khôi ngô. Từ một thanh niên nghèo, sống bằng nghề đánh cá, Mạc Đăng Dung đi dự môn thi đấu vật, trúng đồ lực sĩ, được sung vào chân túc vệ chuyên cầm dù theo xe vua. Nhưng Đăng Dung tiến rất nhanh trên đường làm quan.



Dị tích thành nhà Mạc

Năm Tân Mùi (1511) mới 29 tuổi đã được phong tước Vũ Xuyên Bá. Năm Bính Tý (1516), triều đình sai Đăng Dung làm trấn thủ Sơn Nam, gia phong Phó tướng Tả đô đốc. Trải qua ba đời vua Lê, Đăng Dung được phong Thái sư Nhân Quốc công rồi đến An Hưng vương. Lợi dụng lúc vua Lê srun hèn, các quan trong triều tranh giành nhau, Mạc Đăng Dung âm mưu giành ngôi vua. Tháng 6 năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai lên kinh ép vua Lê nhường ngôi. Lúc này triều Lê đã quá mục nát, mất lòng dân nên số đông hướng về Mạc Đăng Dung đã ra đón Đăng Dung về kinh.

Những ngày sau, Đăng Dung ra ngự ở chính điện, tế trời đất ở đàn Nam Giao, dựng tôn miếu, lấy Hải Dương làm Dương kinh, lập cung điện ở Cổ Trai, truy tôn ông tổ bảy đời. Ông cho lập con trai trưởng là Đăng Doanh làm Thái tử, phong em trai là Quyết làm Tín vương, truy phong em trai là Đốc làm Từ vương, cả ba người em gái đều được phong công chúa: em gái lớn tên là Ngọc là Trang Hoa công chúa, thứ đến tên Huệ là Khánh Diệm công chúa và em út Ngọc Di là Tú Hoa công chúa. Cùng với việc phong tước cho con, anh em họ Mạc, vua còn phong tước cho một loạt bầy tôi có công tôn phò.

Về đối ngoại, để tranh thủ nhà Minh, vua Mạc sai sứ mang biểu sang Yên Ninh nói:

Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự, cho nên di chúc cho Đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên dân.

Nhà Minh sai người sang dò xét thực hư, Đăng Dung cùng các bầy tôi khác dùng vàng bạc lo lót những viên tướng biên thủy nhà Minh để tranh thủ sự ủng hộ của họ. Vì thế năm Kỷ Sửu (1529) hai anh em Trịnh Ngung và Trịnh Ngang là cựu thần nhà Lê chạy sang cầu viện nhà Minh song không thành. Hai viên quan đó đều chết già trên đất Trung Hoa.

Để hoàn thiện việc thiết lập một triều đại mới, Đăng Dung không những phải chống chọi với phản ứng của đông đảo các cựu thần nhà Lê mang nặng đầu óc trung quân, mà còn phải chọn những người trẻ tuổi gánh vác việc nước. Vì vậy bắt buộc các vua Trần, tháng 12 Kỷ Sửu (1529) Mạc Đăng Dung nhường ngôi cho con là Đăng Doanh làm vua được 3 năm, lúc này mới 46 tuổi.

MẠC SẴNG DOANH (1530-1540)

Niên hiệu: Đại Chính

Đăng Doanh là con trưởng của Mạc Đăng Dung. Dưới thời Quang Thiệu nhà Lê, Đăng Doanh được phong tước Dục Mỹ hầu, giữ điện Kim Quang. Khi Đăng Dung lên ngôi vua, Đăng Doanh được phong làm thái tử, ở ngôi Thái tử được 3 năm thì lên ngôi vua. Tháng Giêng năm Canh Dần (1530) Đăng Doanh làm lễ đăng quan, đổi niên hiệu là Đại Chính, tôn bà nội là Đặng hị làm Thái Hoàng thái hậu, tôn cha là Đăng Dung làm Thái thượng hoàng. Trước hết Đăng Doanh dựng một ngôi điện nguy nga ở làng Cổ Trai cho Đăng Dung ở. Mỗi tháng hai lần vào ngày 8 và 22, Đăng Doanh dẫn quần thần đến trình yết. Đăng Dung tuy về sống cảnh điền viên ở Cổ Trai nhưng ngụ ý là trấn giữ một vùng đất quan trọng làm ngoại viên cho Đăng Doanh và vẫn định đoạt những việc trọng đại của quốc

gia. Từ khi Đăng Doanh lên ngôi vua cũng là lúc ở Thanh Hoá lực lượng trung hưng của nhà Lê do Nguyễn Kim cầm đầu đã nhóm họp và ngày càng lớn mạnh. Đăng Doanh nhiều lần trực tiếp cầm quân vào đánh, nhưng không thắng nổi. Quân Lê triều do Nguyễn Kim chỉ huy dựa vào rừng núi Thanh Hoá giáp với Lào để cố giữ và nuôi dưỡng lực lượng. Mùa xuân năm Quý Tỵ (1533) các cựu thần nhà Lê lập Lê Trang Tôn lên ngôi vua tại Lào rồi sai sứ vượt biển sang nhà Minh cầu viện. Nhà Minh đưa quân sang đánh nhà Mạc. Trước tình hình đó Mạc Đăng Dung liền sai người mang thư đến tỉnh Vân Nam giải thích lý do họ Mạc lên ngôi vua và bảo là Lê Ninh chỉ là con của Nguyễn Kim giả mạo xưng họ Lê mà thôi. Thấy rõ đây là một cơ hội đánh chiếm Đại Việt. Vua Minh sai tướng Cửu Loan đem một đạo quân lớn áp sát biên giới phía Bắc nước ta. Như vậy, nhà Mạc rơi vào thế bị ép từ hai mặt: Bắc là Minh và Nam là nhà Lê. Tuy nhiên trong 10 năm cầm quyền của Đăng Doanh, triều Mạc đã làm được khá nhiều việc mà sử nhà Lê sau này cũng phải ghi nhận.

Đó là việc rất đều đặn cứ 3 năm một lần tổ chức các kỳ thi hội, thi đình để tuyển chọn nhân tài. Dưới triều Mạc nhiều trí thức có danh tiếng đã ra thi đỗ đạt cao như Nguyễn Bình Khiêm, Giác Hải, Nguyễn Thiễn... Thời Mạc Đăng Doanh trị vì nhất có 10 năm đất nước khá bình yên: phía Bắc nhà Minh cũng chỉ có ý đe dọa, phía Nam quân đội trung hưng nhà Lê chưa đủ mạnh để đem quân ra Bắc. Để dẹp bọn trộm cướp, Đăng Doanh đưa ra một kế sách hay, vua ra lệnh cấm dân chúng các xứ không được mang gươm giáo, dao nhọn và các đồ binh khí đi ra ngoài đường. Nếu kẻ nào trái lệnh, cho pháp ty bắt trị tội.

Đăng Doanh chỉ làm vua được 10 năm thì mất. Người kế nghiệp Đăng Doanh là Mạc Phúc Hải. Đăng Doanh có 7 con trai, ngoài Phúc Hải được nối ngôi còn con thứ hai là Phúc Tư, phong làm Ninh Vương, thứ 3 là Kính Diên phong Kiêm Vương, thứ tư là Lý Tường, thứ 5 là Lý Hoà, thứ 6 là Hiệp Cung và thứ bảy là Đôn Nhượng, phong ứng vương.

Phúc Hải khi lên ngôi đặt tên thụy cho cha là Thái Tông khâm triết hoàng đế.

Mạc Phúc Hải (1541-1546)

Niên hiệu: Quảng Hoà

Cuối đời Mạc Đăng Doanh, quan hệ với nhà Minh lại trở nên căng thẳng. Tình hình ở phía Nam cũng nguy cấp: quân đội Lê Trung Hưng sau 7 năm chiêu binh luyện mã đủ sức đánh chiếm Nghệ An và hai năm sau năm Quý Mão (1543) đã kiểm soát được cả Tây Đô (Thanh Hoá). Mạc Đăng Dung phải trở lại Đông Kinh đưa cháu nội là Mạc Phúc Hải lên nối ngôi năm Tân Sửu (1541).

Lúc này, ở Trung Quốc, Minh Thế Tông đem việc Nam chinh ra luận bàn, rất nhiều quan lại nhà Minh dâng sớ con vua nên mềm dẻo mà giải quyết việc biên giới phía Nam, rút bài học thất bại của các đời vua trước. Hộ bộ thị lang Đường Trữ dâng sớ trình bày 7 điều không nên đánh An Nam, cho rằng các thời vua trước chưa bao giờ thắng lợi ở An Nam kể từ Mã Viện đến Minh Thái Tông.. Thị lang Phan Trân lại nói: “Mạc Đăng Dung cướp ngôi Lê cũng như Lê cướp ngôi Trần vậy; nếu Đăng Dung chịu dâng biểu nộp công thì coi như được”.

Rút bài học từ cha con họ Hồ, Mạc Đăng Dung lúc này tuy đã nhường ngôi cho con tiếp sau là cháu, trở về sống cảnh điền viên ở Cổ Trai, vẫn phải chấp nhận yêu cầu trên: tự trói mình trước phủ quân Minh ở trấn Nam Quan, trả lại bốn động, xin nộp phủ... Ông già Mạc Đăng Dung mặc dù lòng không muốn vẫn phải gắng sức cuối cùng chịu nỗi nhục (khổ nhục kế) để con cháu ông tránh khỏi một cuộc chiến tranh khốc liệt mà chắc chắn là tổn rất nhiều năm xương máu của cả hai bên. Sau sự kiện quá sức đó, trở về Cổ Trai Sống những ngày còn lại, chẳng bao lâu thì Mạc Đăng Dung mất, đó là một ngày thu tháng 8 năm Tân Sửu (1541). Như vậy Mạc Đăng Dung làm vua 3 năm, làm Thái thượng hoàng 12 năm, thọ 59 tuổi.

Thời Mạc Phúc Hải theo lời bàn của thiếu sư Mạc Ninh Bang, đã tiến hành việc chia cấp lộc điền, đặc biệt ưu tiên binh sĩ-một lực lượng quân sự to lớn được nuôi dưỡng để chống lại Nam Triều.

Trong khi đó, tại Nam Triều, quân binh do Lê Trang Tông tự làm tướng đã kéo ra Yên Mô (Ninh Bình), Thái sư hưng quốc công Nguyễn Kim bị đánh thuốc độc chết đột ngột, quyền hành lọt vào tay con rể Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm. Lực lượng phía Nam triều ngày càng được củng cố. Mạc Phúc Hải lại thường say mê hát xướng, thích chơi chơi gà, ít quan tâm đến triều chính, mọi mặt giảm sút. Song Phúc Hải làm vua không lâu. ngày 8 tháng 5 năm Bính Ngọ (1546), Phúc Hải chết ở ngôi 6 năm, về sau truy tôn làm Hiến Tông Hiến hoàng đế.

Mạc Phúc Nguyên (1546-1561)

Niên hiệu : Vĩnh Định (1547)

Cảnh Lịch (1548-1553)

Quảng Bảo (1554-1561)

Phúc Nguyên là con trưởng của Phúc Hải, nối ngôi vào tháng 5 năm Bính Ngọ (1548). Vì vua mới nối ngôi còn nhỏ tuổi nên mọi công việc triều chính do người chú là Kiêm vương Mạc Kính Diên quyết đoán. Nhưng chiều Mạc đến đây đã bắt đầu lục đục. Nguyên do khi Phúc Hải mất, tướng nhà Mạc là Phạm Tử Nghi mưu lập Hoàng vương chính Trung (là con thứ của Đăng Dung) lên làm vua, việc không thành Mạc Phúc Nguyên sai Kính Diên và Nguyễn Kính đem quân đi bắt Chính Trung dời về xã Hoa Dương (xã Trác Dương, Hưng Nhân, Thái Bình), nhưng bị Tử Nghi đánh thua. Sau vì thế Tử Nghi đem Chính Trung ra chiếm cứ miền Yên Quảng, Đông, Quảng Tây, người Minh không thể kiểm chế được. Sau họ phải thu xếp cho Chính Trung an cư ở xứ Thanh Viễn, hàng năm cấp phát lương thực.

Vì lực đức nội bộ, Chính Trung ở đất Minh đem việc Nguyễn Kinh chuyên tâu lên Viện đốc phủ nhà Minh. Nhà Minh ngờ Phúc Nguyên không phải là dòng dõi nhà Mạc, đem thư đòi khám xét. Vừa mới đẹp xong dư đảng của Từ Nghi ở Hải Dương, Mạc Kính Điển và Lê Bá Ly phải hộ tống Mạc Phúc Nguyên lên cửa Trấn Nam, dùng mọi lời lẽ thuyết phục, được quan chức Lương Quảng bằng lòng phong cho tập tước, đó là năm Kỷ Dậu (1549)...

Sau sự kiện ấy có người dâng sớ khuyên Mạc Phúc Nguyên phải biết tự mình trông coi chính sự vì đã lớn tuổi rồi. Dù vậy, Phúc Nguyên không đủ sức điều hành việc nước, phải nhờ cậy vào Lê Bá Ly. Năm Kỷ Dậu (1549), vua Mạc phong cho Lê Bá Ly làm Thái tử, Phụng quốc công, từ đó Bá Ly trở thành người nắm giữ binh quyền và triều đình, uy thế ngày một lớn, con em trong nhà Bá Ly đều đảm nhận nhiều trọng trách lớn của triều đình. Và mâu thuẫn giữa các quần thần lại nổi lên: Phạm Quỳnh, Phạm Dao, cả hai cha con trước kia là tôi tớ Lê Bá Kỳ nay có chút vinh hiển lại ghen tức gièm pha. Mạc Phúc Nguyên đã tin theo Phạm Quỳnh, và thế là cha con Lê Bá Ly đem bộ tướng và quân gia hơn 1 vạn 4 nghìn người trốn vào Thanh Hoá xin hàng vua Lê. Từ đó, phần lớn mưu thần mãnh tướng bỏ nhà Mạc chạy theo Lê. Thanh thế quân Trung Hưng ngày càng trở nên mạnh mẽ. Mạc Phúc Nguyên thấy vậy làm lo sợ, trao hết binh quyền cho chú là Mạc Kính Điển, tự mình rút về bảo vệ xứ miền Đông.

Tháng 7 năm Đinh Tỵ (1557), Mạc Phúc Nguyên sai Kính Điển đem quân vào đánh Thanh Hoá; Phạm Quỳnh, Phạm Dao đánh Nghệ An. Quân Mạc thua to. Mạc Kính Điển phải liều nhảy xuống sông, bơi vào ẩn nấp tại hàng núi chịu đói chịu khát suốt 3 ngày, may gặp được một người đánh cá cứu sống. Thừa thắng quân Lê-Trịnh huy động hơn 5 vạn quân thủy bộ tổ chức cuộc tấn công ra Sơn Nam, nhưng bị thua, quân Trịnh tan vỡ, bỏ thuyền chạy bộ. Quân Mạc lại sai tướng chen lối về, quân Lê-Trịnh chế đến quá nửa, hàng chục viên tướng bị giết, thuyền binh khí giới bỏ lại vô kể.

Đến năm Kỷ Mùi (1559) quân Lê-Trịnh lại mở cuộc tấn công ra Bắc, đánh phá các tỉnh hậu phương của Mạc như Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Kinh Bắc, Hải Dương... Mạc Phúc Nguyên phải rút vào phòng thủ, bên ngoài thành Thăng Long đóng đồn trại dọc Tây sông Nhị, dinh tại liên tiếp, thuyền bè nối nhau; ngày thì gióng trống báo tin, đêm thì đốt lửa làm hiệu. Bị quân Trịnh đánh trực tiếp vào các huyện Đông Triều, Giáp Sơn, Chí Linh, quân Mạc phải ra huyện Thanh Trì.

Tháng 12 năm Tân Dậu (1561), giữa lúc cuộc chiến Trịnh-Mạc đang gay go quyết liệt nhất thì Mạc Phúc Nguyên chết vì bệnh đậu mùa. Ông vua Mạc trẻ này ở ngôi được 18 năm. Đặt niên hiệu 3 lần.

Mạc Mậu Hợp (1562-1592)

Niên hiệu: Thuần Phúc (1562-1565)

Sùng Khang (1566-1577)

Diên Thành (1578-1585)

Đoan Thái (1586-1587)

Hưng Trị (1590)

Hồng Ninh (1591-1592)

Mạc Mậu Hợp là con cả của Phúc Nguyên, sinh năm Nhâm Tuất (1562). Khi lên ngôi mới 2 tuổi phải lấy ứng vương Mạc Đôn Nhượng (con trai Mạc Đăng Doanh) làm phụ chính. Năm ấy (1562), họ Mạc ngờ Thái bảo Văn Quốc công Phạm Dao có lòng khác bèn giết đi.

Năm Bính Dần (1566) Mạc Mậu Hợp dời về ở quán Bồ Đề, sai Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Giáp Hải và Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết lên địa đầu Lạng Sơn đón sứ thần Lê Quang Bí về nước. Nguyên là vào năm Mậu Thân (1548) Quang Bí được cử đi sứ lo việc cống tiến hàng năm. Ông đến Nam Minh, bị người nhà Minh ngờ là quan giả mạo, phải bắt phải chờ để tra xét thực hư. Nhưng rồi Quang Bí cứ phải lưu lại sứ quán chờ minh xét. Bấy giờ Phúc Nguyên mấy năm liền bỏ việc cống nên không dám tâu xin. Đến Năm Quý Hợi (1563) viên quan ở Lương Quảng mới sai người đưa Quang Bí 25 lạng bạc để thưởng công lao và tiếp tục cuộc hành trình của sứ bộ. Khi Quang Bí tới Bắc Kinh lại bị lưu giữ chờ đợi ở sứ quán. Mặc dù chờ đợi rất lâu nhưng Quang Bí vẫn kính cẩn giữ mệnh chúa, không tỏ ra bức tức. Thấy vậy viên Đại học sĩ nhà Minh là Lý Xuân Phương vừa nể phục vừa thương tình mới tâu vua Minh cho dâng nộp lễ phẩm và cho Quang Bí chiếm kỷ lục về thời gian đi sứ trong lịch sử ngoại giao nước Nam, cả đi về và chờ đợi hết 18 năm. Lúc ra đi tóc xanh mượt, khi trở về râu tuyết bạc phơ! Người nhà Minh ví ông như Tô Vũ xưa đi sứ sang Hung nô!

Khi về đến Đông Kinh, Bí được phong Tô Quận công.

Tháng 10 năm Quý Dậu (1573), Mạc Mậu Hợp mới 12 tuổi, từ bến Bồ Đề qua sông vào Đông Kinh, đắp thành ở bên ngoài cửa Nam, dựng một ngôi điện bằng tranh tre để ở. Thế rồi năm Đinh Sửu (1577), Mạc Mậu Hợp 16 tuổi, lấy con gái của Cẩm y thư vệ sự Phú Sơn hầu Vũ Văn Khuê là nàng Vũ Thị Hoành làm vợ, lập làm Chính phi.

Vào thời điểm này, ở phía Nam triều, Trịnh Kiểm đã chết, binh quyền vào tay Trịnh Tùng. Vua Lê và Trịnh Tùng sống với nhau khá hoà thuận, chính sự được chỉnh đốn, quân sĩ tinh tráng khoẻ mạnh, khí thế đang lên. Còn phía Bắc triều, sau khi vào Đông Kinh, Mạc Mậu Hợp ham chơi bời, say đắm tử sắc, không để ý gì đến việc nước. Rất nhiều sớ của các quan khuyên răn Mạc Mậu Hợp nhưng vô hiệu.

Ngày 21 tháng 2 năm Mậu Dần (1578), Mạc Mậu Hợp bị sét đánh vào cung, liệt nửa người, chữa mãi mới khỏi. Lúc này rất nhiều người trước kia hi vọng những gì tốt đẹp ở vương triều mới, đã ra thì thổ tài năng giúp việc, đều chán nản, muốn rút về ẩn.

Thấy Giáp Trùng là người hết lòng. Mạc Mậu Hợp phong chức Thượng thư Lại bộ Luận Quận công. Ông kiên quyết từ chối...nhưng Mạc Mậu Hợp không chấp nhận.

Tháng 10 năm Canh Thìn (1580), Mạc Kính Điển, người có uy quyền danh vọng và là trụ cột của triều đình nhà Mạc qua đời, lòng người hoang mang. Chính quyền của Mạc Mậu Hợp bắt đầu tránh khỏi bại vong: quan lại hèn nhát, cơ hội và vô trách nhiệm chỉ ham đục khoét làm giàu. Triều thần thì không hiến được kế sách gì để chống lại địch. Ứng vương Mạc Đôn Nhượng giữ quyền phụ chính quyết định mọi việc nhưng lại thường về sống ở Dương kinh, vì thế việc triều bề bối không ai quyết đoán. Các quan có việc đến yết kiến bẩm báo, vua không giải quyết nổi. Còn quan phụ chính thì khó gặp. Từ đó triều thần trễ nải, không tới công đường, tránh né không chịu bàn việc. Hàng đồng số tâm huyết gửi lên khuyên Mạc Mậu Hợp thay đổi chính sự, song vô hiệu

Giữa lúc đó quân đội Lê - Trịnh tấn công liên tiếp vào hậu cứ quân Mạc có lúc đã phải huy động lực lượng chống trả đến 10 vạn quân, nhưng nhà Mạc vẫn thua trận. Mạc Mậu Hợp lại bỏ kinh thành Thăng Long sang bên Bồ Đề, chia quân giữ phía Bắc sông Cái để tự vệ.

Khôn đốn là vậy mà Mạc Mậu Hợp vẫn lao vào ăn chơi trác táng. Thấy Nguyễn Thị Niên, con gái của Nguyễn Quyện, vợ trấn thủ Nam Đạo Sơn quận công Bùi Văn Khuê, em gái hoàng hậu xinh đẹp, Mậu Hợp đem lòng yêu mến, bèn ngấm ngấm tính kế giết Bùi Văn Khuê một tướng tài thông kinh toàn bộ lực lượng thủy quân của Mạc để cướp vợ Khuê. Biết âm mưu ấy, vợ Văn Khuê mật báo cho chồng. Văn Khuê đem quân bản bộ về giữ Gia Viễn, chống lại lệnh vua Mạc. Mạc Mậu Hợp mấy lần vờ không được phải cho quân tướng đến hỏi tội Văn Khuê. Văn Khuê, một mặt đem quân chống giữ, mặt khác cho con là Bùi Văn Nguyên vào hàng quân Trịnh và xin quân cứu viện. Trịnh Tùng rất mừng, thu nhận ngay và cho quân ra cứu Văn Khuê. Thế là thủy quân, chỗ mạnh nhất đã lọt vào tay quân Trịnh. Trịnh Tùng được Văn Khuê giúp nên rõ ràng thế thắng đã ở trong tay!

Ngày 25 tháng 11 năm Nhâm Thìn (1592), thủy quân Trịnh gồm 300 chiếc thuyền đánh vào huyện Kim Thành. Mạc Mậu Hợp bỏ chạy, quân Trịnh thu được rất nhiều vàng bạc, của cải, đồ dùng và con gái, bắt Thái hậu nhà Mạc giải về Thăng Long. Tới sông Bồ Đề, Thái hậu nhà Mạc nhảy xuống sông tự vẫn. Mạc Mậu Hợp sợ đến nỗi phải trao hết quyền binh cho con trai là Toàn lên làm vua còn mình thì chạy trốn.

Mạc Mậu Hợp chạy trốn tại một ngôi chùa ở huyện Phượng Nhãn (Bắc Ninh). Quân Trịnh sục tít, dân địa phương cho biết Mạc Mậu Hợp đóng giả sư ông, đến ẩn ở chùa Mô Khê đã 11 ngày. Quân Trịnh đến chùa thấy Mậu Hợp nghiêm nhiên ngồi xếp bằng, đang tụng kinh.

Quân Trịnh dùng voi chở Mạc Mậu Hợp và hai kỹ nữ, giải về kinh sư. Sau đó, Mậu Hợp phải chịu cho sống ba ngày, xong chém đầu ở bãi cát Bồ Đề, thủ cấp hiến hoàng đế nhà Lê ở hành tại Vạn Lại xứ Thanh Hoá, bị đóng đinh đem bêu ngoài chợ.

Mạc Mậu Hợp lên ngôi lúc 2 tuổi, ở ngôi 29 năm, khi chết 31 tuổi.

Con trai Mạc Mậu Hợp là Toàn, được Mậu Hợp nhường ngôi, tự xưng là Vũ An, nhưng không được nhân tâm ủng hộ, thế cô, ngấm trồn cũng bị quân Trịnh bắt được đem chém đầu tại bến Thảo Tân.

Như vậy họ Mạc từ Đăng Dung đến Mậu Hợp, truyền ngôi được năm đời thì mất, tổng cộng được 66 năm.

Sau đó con cháu nhà Mạc rút lên Cao Bằng. Theo sấm trạng Trình, họ Mạc còn kéo dài được đến 96 năm nữa mới bị mất hẳn.

Đến năm Mậu Thìn (1668), những dư đảng cuối cùng của nhà Mạc mới bị triều đình Lê - Trịnh dẹp yên.